

SỰ HỨNG THÚ TRONG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH

Bùi Thị Thanh Hương¹, Nguyễn Văn Hùng²,
Cao Thị Phương Thảo³, Ứng Trọng Khánh⁴

Tóm tắt

Mục tiêu nghiên cứu của bài báo nhằm giữ vững thương hiệu cho các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực du lịch bởi vì việc nghiên cứu thực trạng các yếu tố tác động đến sự hứng thú trong học tập của sinh viên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành là vấn đề hết sức cần thiết tại thời điểm hiện nay. Nhóm tác giả sử dụng dữ liệu thứ cấp và sơ cấp để chỉ ra được thực trạng của các yếu tố ảnh hưởng. Kết quả nghiên cứu đã phát hiện các yếu tố thuộc môi trường học tập cần xem xét quan tâm hơn cả. Do đó, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp tập trung vào việc cải thiện môi trường học tập nói riêng, cùng các giải pháp cấp khoa và nhà trường cho việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nói chung.

Từ khóa: sự hứng thú trong học tập, sinh viên, du lịch và lữ hành.

STUDYING ENJOYMENT OF STUDENTS MAJORING IN TOURISM AND TRAVEL MANAGEMENT AT THAI NGUYEN UNIVERSITY OF ECONOMICS & BUSINESS ADMINISTRATION

Abstract

The article aims to maintain the brand for institutions training tourism human resources because studying the current status of factors affecting the studying enjoyment of students majoring in Tourism and Travel management is an extremely necessary issue at the present time. The authors use secondary and primary data to show the current situation of influencing factors. Research results show that learning environmental factors are the most important to be considered. Therefore, the researchers propose a number of solutions focusing on improving the learning environment in particular, and solutions at the department and university levels for developing high-quality human resources in general.

Keywords: enjoyment of studying, student, tourism and travel.

JEL classification: I2, I23, I25, L8, L83.

1. Đặt vấn đề

Về lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong bối cảnh cạnh tranh giữa các trường đại học ngày càng cao như hiện nay, đòi hỏi các trường đại học, cao đẳng cần phải xây dựng thương hiệu riêng cho mình, và đây cũng chính là kênh quảng bá tốt nhất, uy tín nhất và ít tốn kém, không có kênh quảng bá nào hiệu quả bằng chính những phản hồi từ phía những người học và các nhà tuyển dụng. Bên cạnh đó, giai đoạn phục hồi nền kinh tế sau Covid cần nguồn nhân lực chất lượng như một giải pháp quản trị trong môi trường nhiều biến động.

Sự hứng thú trong học tập của sinh viên nói chung và sinh viên trường đại học (ĐH) Kinh tế & Quản trị kinh doanh (QTKD) nói riêng không chỉ đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành học và khoa

chuyên môn đối với nhà trường mà còn cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thang đo các chỉ tiêu ảnh hưởng đến sự hứng thú trong học tập của sinh viên dựa trên lý thuyết nghiên cứu của (Lê Quang Ninh, Đặng Thị Thu Liễu và Huỳnh Sơn Lâm, 2020); (Nguyễn Văn Tuấn, Trần Thị Thùy Linh, Nguyễn Thị Tiểu My, 2022); (Nhạc Thanh Hương và Lê Nguyễn Bình Minh, 2018); (Phạm Thị Hồng Thái, 2016); (Pratama, 2017); (Kết quả phỏng vấn sinh viên, 2023); (Kết quả phỏng vấn chuyên gia, 2023).

Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu có sửa đổi để phù hợp với đối tượng khảo sát là sinh viên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, trường Đại học Kinh tế & QTKD. Thang đo các chỉ tiêu ảnh hưởng trong nghiên cứu này bao gồm 19 biến được quan sát và đo lường bằng thang đo Likert 5 điểm.

Bảng 1: Mã hóa các biến thuộc các yếu tố ảnh hưởng đến sự hứng thú trong học tập của sinh viên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

Yếu tố	Mã hoá	Biến quan sát	Nguồn tham khảo
Giảng viên	GV1	Giảng viên vui vẻ, thân thiện	(Lê Quang Ninh,
	GV2	Giảng viên truyền cảm hứng với sinh viên	Đặng Thị Thu Liễu
	GV3	Giảng viên quan tâm tới sinh viên	và Huỳnh Sơn Lâm,
	GV4	Trình độ chuyên môn của giảng viên	2020);(Nguyễn Văn Tuấn, Trần Thị Thùy Linh, Nguyễn Thị Tiểu My, 2022) (Kết quả phỏng vấn sinh viên, 2023)
Phương pháp giảng dạy	PPGD1	Bài giảng điện tử thiết kế đẹp, hấp dẫn	(Lê Quang Ninh,
	PPGD2	Phương pháp truyền đạt lôi cuốn	Đặng Thị Thu Liễu
	PPGD3	Hình thức đánh giá phù hợp	và Huỳnh Sơn Lâm , 2020); (Nhạc
	PPGD4	Đa dạng hóa các hoạt động dạy học	Thanh Hương và Lã Nguyễn Bình Minh , 2018)
Môi trường học tập	MTHT1	Trường có trang thiết bị học tập hiện đại	(Nguyễn Văn Tuấn, Trần Thị Thùy
	MTHT2	Trường có hệ thống phòng thực hành đáp ứng yêu cầu	Linh, Nguyễn Thị Tiểu My, 2022),
	MTHT3	Hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo phong phú	(Pratama, 2017)
	MTHT4	Các bạn cùng lớp hứng thú học tập	
Chương trình đào tạo	CTĐT1	Tính thiết thực của các học phần trong chương trình	(Nguyễn Văn Tuấn, Trần Thị Thùy Linh, Nguyễn Thị Tiểu My, 2022),
	CTĐT2	Nội dung các học phần hấp dẫn, thú vị	(Kết quả phỏng vấn chuyên gia, 2023)
	CTĐT3	Các học phần thực tập/ thực tế của chương trình phù hợp với ngành học	
Người học	NH1	Ý thức được việc học có vai trò quan trọng	(Phạm Thị Hồng Thái, 2016); (Lê
	NH2	Tự giác, tích cực học tập	Quang Ninh, Đặng
	NH3	Các môn học phù hợp với sở thích và nghề nghiệp	Thị Thu Liễu và Huỳnh Sơn Lâm ,
	NH4	Kết quả học tập	2020); (Pratama, 2017); (Kết quả phỏng vấn sinh viên, 2023)

Nguồn: Tổng hợp từ nhóm nghiên cứu

Bên cạnh đó, một số chỉ tiêu biểu hiện sự hứng thú trong học tập của sinh viên như kết quả học tập của sinh viên, mức độ chuyên cần, hoạt động học tập trong lớp và hoạt động học tập sau giờ lên lớp của sinh viên (Lê Đức Thọ, 2019); (Kết quả phỏng vấn chuyên gia, 2023); (Kết quả phỏng vấn sinh viên, 2023).

Như vậy, để vượt qua khủng hoảng và suy thoái, đầu tư hướng tới giai đoạn tăng trưởng mới cũng như giữ vững thương hiệu cho các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực du lịch thì việc nghiên cứu thực trạng các yếu tố tác động đến sự hứng thú trong học tập của sinh viên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành là vấn đề hết sức cần thiết tại thời điểm hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập thông tin

Nghiên cứu sử dụng kết hợp phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp và sơ cấp. Mục tiêu điều tra là khảo sát thực trạng về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hứng thú trong học tập của sinh viên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, trường Đại học Kinh tế & QTKD. Kết quả khảo sát là cơ sở đề xuất các giải pháp nhằm tạo sự hứng thú trong học tập của sinh viên. Đối tượng khảo sát được nhóm nghiên cứu thực hiện khảo sát chọn mẫu online với sinh viên hệ đại học chính quy từ năm 1 đến năm 4 thuộc ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của nhà trường. Cỡ mẫu được tính toán đảm bảo nguyên tắc thống kê. Bảng câu hỏi áp dụng thang đo thứ bậc likert để thuận tiện trong việc đo lường các chỉ tiêu nghiên cứu. Theo Yamane Taro (1967), việc xác định kích thước mẫu sẽ được chia làm hai trường hợp: không biết tổng thể và biết được tổng thể. Trong trường hợp của đề tài, ta xác định được tổng thể. Như vậy, ta sẽ áp dụng công thức sau: Trong trường hợp của đề tài, ta xác định được tổng thể. Như vậy, công thức được áp dụng như sau:

$$n = \frac{N}{1 + N \times e^2}$$

Số lượng sinh viên của ngành được thống kê là 180 sinh viên (tính đến thời điểm khảo sát). Cỡ mẫu n được tính sẽ là 124,1 sinh viên. Tuy nhiên do đặc thù ngành học và yếu tố dễ dàng

trong việc tiếp cận và làm tròn số. Nhóm nghiên cứu quyết định gửi 128 phiếu cho 128 sinh viên theo học bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên.

Bên cạnh đó, bài báo cũng sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp: sử dụng dữ liệu từ các báo trong và ngoài nước, các cơ quan chính phủ, các tổ chức giáo dục, kinh tế...; Phương pháp phỏng vấn chuyên gia và sinh viên: Đây là phương pháp nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng và mô hình đề xuất (đã được trình bày chi tiết trong bài viết về cơ sở lý luận của nghiên cứu này).

2.2. Phương pháp tổng hợp và phân tích thông tin

Phương pháp tổng hợp số liệu: Sau khi thu thập được số liệu bằng phương pháp phân tổ thống kê đề tài tiến hành phân chia các số liệu thành các nhóm, các tổ khác nhau nhằm làm rõ thực trạng về sự hứng thú trong học tập. Kết quả của tổng hợp các số liệu sẽ được trình bày vào bảng biểu, đồ thị để dễ dàng đánh giá cũng như đưa ra được những đặc điểm riêng biệt thông qua các số liệu đã thu thập.

Phương pháp so sánh: được sử dụng để chỉ ra xu hướng và mức độ biến động của các hệ thống chỉ tiêu. Nhóm nghiên cứu sử dụng để so sánh các chỉ tiêu trong 3 năm qua.

Phương pháp thống kê mô tả: Đây là phương pháp sử dụng các chỉ tiêu như chỉ tiêu tuyệt đối, chỉ tiêu nhỏ nhất, chỉ tiêu lớn nhất, chỉ tiêu bình quân,... các phép thống kê được sử dụng trên phần mềm SPSS.

Phương pháp tổng hợp thông tin

Tiến hành phân tích tổng hợp lý thuyết, kết quả phân tích, từ đó rút ra các kết luận khoa học là cơ sở lý luận và giải pháp cho nghiên cứu này.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đặc điểm của sinh viên ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành, trường ĐH Kinh tế & QTKD

Hiện nay Trường ĐH Kinh tế & QTKD – ĐH Thái Nguyên có 180 sinh viên theo học ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành. Về đặc điểm của sinh viên ngành này có đặc thù như sau:

Thứ nhất, đa số sinh viên sống tại Thái Nguyên và các tỉnh miền núi phía Bắc như Tuyên Quang, Yên Bái, Hà Giang, Lào Cai ... Trong đó,

chủ yếu là các em sinh sống tại Thái Nguyên nên các em thuộc nhiều nhóm dân tộc thiểu số và là con em của nhiều thành phần gia đình khác nhau.

Thứ hai, do đặc thù ngành còn có các sinh viên là lưu học sinh từ các nước Lào, Philippin, Nigeria theo học chương trình đào tạo bằng tiếng Việt và chương trình đào tạo bằng tiếng Anh và

số lượng sinh viên của ngành tăng dần qua các khóa chứng tỏ sự thu hút đối với ngành ngày càng tăng. Tuy nhiên số lượng sinh viên trong lớp còn hạn chế nên quy mô lớp nhỏ. Điều này giúp cho việc sinh viên được giảng viên quan tâm hơn so với các ngành khác.

Bảng 2: Tỷ lệ xếp loại học lực tích lũy của sinh viên

Lớp	Tổng số sinh viên (người)	Xếp loại học lực toàn khóa tính đến hết năm học 2022 – 2023 (%)				
		Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu
K17 QTDVDL&LH	29	10	10	70	10	0
K18 QTDVDL&LH	34	0	0	17,65	38,23	44,12
K19 QTDVDL&LH	41	0	2,44	14,63	17,07	65,86
K16 QTDL&KS	6	50	16,67	33,33	0	0
K17 QTDL&KS	8	12,5	12,5	50	0	25
K18 QTDL&KS	20	5	5	25	15	45

Nguồn: Khoa Marketing, Thương mại & Du lịch, tích lũy đến năm học 2022 – 2023

Dựa vào bảng 2, ta thấy rằng kết quả học tập của sinh viên tính đến hết năm học 2022 – 2023 có sự chênh lệch giữa sinh viên các khóa và giữa sinh viên được học chương trình bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Cụ thể như sau: Đối với sinh viên K18 và K19 QTDVDL&LH không có sinh viên nào được xuất sắc. Trong khi lớp K17 QTDVDL&LH có 10% số sinh viên đạt điểm tích lũy ở loại xuất sắc. Tương tự như vậy, đối với sinh viên các lớp QTDL&KS cũng có sự chênh lệch giữa các khóa cụ thể là tỷ lệ này tăng dần từ Lớp K18 QTDL&KS là 5%, K17 QTDL&KS là 12,5% và cao nhất là K16 QTDL&KS với 50%. Về xếp loại học lực giỏi, khá, trung bình cũng có sự tương đồng. Sinh viên năm ba vẫn có kết quả học tập tốt hơn năm nhất, năm hai. Ví dụ sinh viên năm nhất chỉ có 5% đạt loại giỏi, thì sinh viên năm hai là 12,5%, năm ba là 16,67%. Tương tự như thế tỷ lệ học lực khá lần lượt qua các năm từ K19 là 25%,

K18 là 50%, K17 là 33,33%. Học lực Trung bình và Yếu thì lại có xu hướng giảm

Nguyên nhân giải thích cho vấn đề này là do các môn học cũng bắt đầu gắn với chuyên ngành hơn. Sinh viên giỏi, sinh viên khá của K17 có xu hướng tăng chứng tỏ sinh viên sau phân ngành đào tạo có sự nỗ lực học tập hơn. Tỷ lệ học lực trung bình, yếu, kém có xu hướng giảm điều đó cho thấy sinh viên đã ngày càng nỗ lực học tập, đồng thời mỗi học kỳ nhà trường đều tiến hành xét tiến độ để xóa tên sinh viên nên đã giảm được sinh viên yếu, kém. Sinh viên K20 mới nhập học năm học 2023 - 2024 nên chưa có kết quả học tập để phân tích.

3.2. Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Trong phần này, nhóm nghiên cứu đã phân tích các đặc điểm nhân khẩu học như giới tính, lý do chọn ngành, dân tộc, quê hương, ... Các số liệu được trình bày dưới đây.

Bảng 3: Đặc điểm nhân khẩu học

Chỉ tiêu	Thể loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	35	27,3
	Nữ	93	72,7
Lý do chọn ngành	Khám phá những điều mới lạ	57	44,5
	Thích đi du lịch	61	47,7
	Thu nhập cao	7	5,5
	Các nguyên nhân khác	3	2,3
Dân tộc	Kinh	74	57,8
	Tày	21	16,4
	Khác	33	25,8
Sinh viên	Quốc tế	16	12,5
	Việt Nam	112	87,5
Quê hương	Thái Nguyên	86	67,2
	Yên Bái/ Lào Cai/Hà Giang/ Tuyên Quang/ Cao Bằng	10	7,8
	Philippines	1	0,8
	Lào (Laos)	1	0,8
	Nigeria	14	10,9
	Khác	16	12,5

Nguồn: Phân tích dữ liệu SPSS

Dựa vào bảng 2 ta thấy, trong số 128 người trả lời khảo sát, có 27,3% là nam và 72,7% là nữ. Điều này cho thấy các bạn sinh viên nữ sẵn sàng trả lời câu hỏi hơn các bạn nam. Trong đó, dân tộc Kinh chiếm 57,8%, dân tộc Tày chiếm 16,4% còn lại là các dân tộc khác. Về quê hương của sinh viên tham gia khảo sát, ta thấy rằng tỷ lệ sinh viên quốc tế không nhỏ đến từ các nước Philippines (0,8%), Lào (0,8%) và Nigeria (10,9%); 67,2% sinh viên đến từ Thái Nguyên, 7,8% sinh viên đến từ Yên Bái/ Lào Cai/Hà Giang/ Tuyên Quang/

Cao Bằng, 12,5% từ các địa phương khác. Như vậy, đa số sinh viên của ngành đến từ Thái Nguyên có nghĩa là họ lựa chọn trường đại học gần nhà. Đối với các lý do chọn ngành học của sinh viên, lý do thích đi du lịch chiếm tỷ trọng lớn nhất là 47,7%. Bên cạnh đó, 44,5% người được hỏi lựa chọn lý do khám phá những điều mới lạ. Chỉ có 5,5% số sinh viên lựa chọn lý do thu nhập cao và 2,3% có ý kiến khác. Điều này thể hiện rõ đặc thù về tính cách hướng ngoại của các bạn sinh viên ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành.

Bảng 4: Mức độ chuyên cần và hoạt động học tập

Chỉ tiêu	Thể loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Mức độ chuyên cần đi học các lớp học phần	Đến lớp 70 – 80%	23	18,0
	Thỉnh thoảng đến lớp	1	0,8
	Thường xuyên đến lớp	104	81,2
Hoạt động học tập trong lớp của bạn	Chỉ ngồi trật tự nghe giảng	78	60,9
	Thường xuyên giơ tay phát biểu xây dựng bài, thảo luận nhóm tích cực	47	36,7
	Ngồi trật tự đôi khi phát biểu	2	1,6
	Khác	1	0,8
	Đọc tài liệu trước khi đến lớp	18	14,1
Hoạt động học tập sau giờ lên lớp của bạn	Không học bài ngoài giờ lên lớp	14	10,9
	Làm bài tập cá nhân/ nhóm theo yêu cầu của giảng viên	96	75,0

Nguồn: Phân tích dữ liệu SPSS

Để hiểu rõ hơn về sự hứng thú trong học tập, nhóm nghiên cứu tìm hiểu về mức độ chuyên cần và hoạt động học tập của sinh viên (bảng 4)

Dựa vào bảng 4, ta thấy rằng đa số sinh viên thường xuyên đến lớp (chiếm 81,2%) và đến lớp 70 – 80% tổng số thời gian (chiếm 18%). Tuy nhiên hoạt động học tập trong lớp lại khá thụ động. Chỉ có 36,7% số sinh viên được hỏi thường xuyên giơ tay phát biểu xây dựng bài, thảo luận nhóm tích cực, còn 1,6% sinh viên ngồi trật tự đôi khi phát biểu, và phần lớn sinh viên (60,9%) tự nhận chỉ ngồi trật tự nghe giảng. Mặt khác, đối với hoạt động học tập sau giờ lên lớp của sinh viên, ta nhận thấy có 96 sinh viên (tương ứng với 75% số người được hỏi) đã trả lời họ làm bài tập cá nhân/

nhóm theo yêu cầu của giảng viên. Trong khi đó chỉ có 18 người (chiếm 14,1%) đọc tài liệu trước khi đến lớp và 14 sinh viên (10,2%) thừa nhận không học bài ngoài giờ lên lớp. Như vậy, mặc dù sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đa phần chăm chỉ tới lớp và có ý thức học tập tốt trong lớp cũng như ngoài giờ học. Tuy nhiên, tính chủ động, tích cực trong học tập chưa cao. Điều này đặt ra câu hỏi liệu họ đã thực sự hứng thú trong học tập hay chưa?

3.3. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng

Sau khi điều tra 128 đối tượng khảo sát là sinh viên thuộc ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của trường ĐH Kinh tế & QTKD, ta có kết quả như sau:

Bảng 5: Thống kê mô tả dữ liệu

Các biến quan sát		N	Mean	Std. Deviation
Giảng viên	GV1. Giảng viên vui vẻ, thân thiện	128	3,87	1,230
	GV2. Giảng viên truyền cảm hứng với sinh viên	128	3,71	1,211
	GV3. Giảng viên quan tâm tới sinh viên	128	3,73	1,200
	GV4. Trình độ chuyên môn của giảng viên	128	3,97	1,248
Phương pháp giảng dạy	PPGD1. Bài giảng điện tử thiết kế đẹp, hấp dẫn	128	3,54	1,210
	PPGD2. Phương pháp truyền đạt lôi cuốn	128	3,56	1,260
	PPGD3. Hình thức đánh giá phù hợp	128	3,73	1,221
	PPGD4. Đa dạng hóa các hoạt động dạy học	128	3,76	1,241
Môi trường học tập	MTHT1. Trường có trang thiết bị học tập hiện đại	128	3,21	1,320
	MTHT2. Trường có hệ thống phòng thực hành đáp ứng yêu cầu	128	3,30	1,276
	MTHT3. Hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo phong phú	128	3,13	1,276
	MTHT4. Các bạn cùng lớp hứng thú học tập	128	3,33	1,262
Chương trình đào tạo	CTDDT1. Tính thiết thực của các học phần trong chương trình	128	3,60	1,251
	CTDDT2. Nội dung các học phần hấp dẫn, thú vị	128	3,60	1,199
	CTDDT3. Các học phần thực tập/ thực tế của chương trình phù hợp với ngành học	128	3,64	1,215
	NH1. Ý thức được việc học có vai trò quan trọng	128	3,94	1,247
Người học	NH2. Tự giác, tích cực học tập	128	3,81	1,169
	NH3. Các môn học phù hợp với sở thích và nghề nghiệp	128	3,66	1,263
	NH4. Kết quả học tập	128	3,76	1,162

Nguồn: Phân tích dữ liệu SPSS

Về yếu tố giảng viên

Theo như bảng 5, giá trị trung bình của các biến GV1, GV2, GV3, GV4 ở trong khoảng 3.41 – 4.20, vì thế những người được hỏi đều đồng ý với các nhận định “Giảng viên vui vẻ, thân

thiện”, “Giảng viên truyền cảm hứng với sinh viên”, “Giảng viên quan tâm tới sinh viên”, “Trình độ chuyên môn của giảng viên”. Kết quả này thể hiện giảng viên của bộ môn luôn tìm tòi học hỏi,

quan tâm tới sinh viên chuyên ngành và được sinh viên tin tưởng.

Về yếu tố phương pháp giảng dạy

Giá trị trung bình của các biến PPGD1, PPGD2, PPGD3, PPGD4 ở trong khoảng 3.41 – 4.20, vì thế những người được hỏi đều có quan điểm “Bài giảng điện tử thiết kế đẹp, hấp dẫn”, “Phương pháp truyền đạt lôi cuốn”, “Hình thức đánh giá phù hợp”, “Đa dạng hóa các hoạt động dạy học”. Phương pháp giảng dạy được đánh giá cao do các giảng viên cùng Khoa và nhà trường đã phối hợp các hình thức giảng dạy lý thuyết và thực tế đan xen, thực hiện tổ chức hội chợ du lịch quốc tế, tổ chức sự kiện đám cưới, văn nghệ, MC, đóng kịch trong giờ học...tăng cường tính năng động, sáng tạo của sinh viên ngành du lịch trong tổ chức các hoạt động liên quan đến ngành học của mình.

Giá trị trung bình của các biến CTĐT1, CTĐT2, CTĐT3 ở trong khoảng 3.41 – 4.20, vì thế những người được hỏi đều tán đồng ý kiến với các nhận định “Tính thiết thực của các học phần trong chương trình”, “Nội dung các học phần hấp dẫn, thú vị”, “Các học phần thực tập/ thực tế của chương trình phù hợp với ngành học”. Chương trình đào tạo cũng được đánh giá khá tốt do nhà trường thường xuyên rà soát chương trình đào tạo 2 năm một lần, lấy ý kiến của các bên liên quan để đảm bảo tính khách quan trong việc xây dựng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và phù hợp với nhu cầu của xã hội. Bên cạnh đó, nội dung thực tập thực tế được xây dựng linh hoạt cho sinh viên được tham quan khách sạn Melia Hà Nội, khách sạn Grand Mecure Hà Nội, khách sạn Kim Thái -Thái Nguyên, Làng Du lịch sinh thái Thái Hải, Bảo tàng văn hoá các dân tộc Việt Nam, Hạ Long ...trong các chuyến đi thực tập, thực tế môn học của ngành.

Về yếu tố người học

Giá trị trung bình của các biến còn lại NH1, NH2, NH3, NH4 ở trong khoảng 3.41 – 4.20, vì thế những người được hỏi đều đồng ý với các nhận định “Ý thức được việc học có vai trò quan trọng”, “Tự giác, tích cực học tập”, “Các môn học phù hợp với sở thích và nghề nghiệp”, “Kết quả học tập”. Như vậy, phần lớn ý kiến khảo sát cho rằng các yếu tố thuộc về cá nhân người học có vai trò quan trọng cũng như phù hợp với sự

Về yếu tố môi trường học tập

Dựa vào bảng 5 ta thấy, giá trị trung bình của MTHT1, MTH2, MTHT3 và MTHT4 ở trong khoảng 2.61 – 3.40, do đó những người trả lời có quan điểm trung lập với các nhận định “Trường có trang thiết bị học tập hiện đại”, “Trường có hệ thống phòng thực hành đáp ứng yêu cầu”, “Hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo phong phú”, và “Các bạn cùng lớp hứng thú học tập”. Như vậy, mặc dù nhà trường luôn đầu tư cơ sở vật chất và cải thiện môi trường học tập cho các em sinh viên nhưng điều này vẫn chưa làm hài lòng các bạn sinh viên nói chung và đặc biệt là sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành do những yêu cầu đặc thù và đòi hỏi cao về chuyên môn nghiệp vụ của ngành.

Về chương trình đào tạo

hứng thú trong học tập của sinh viên. Khoa và bộ môn tổ chức cuộc thi cho sinh viên Hướng dẫn viên Du lịch tài năng thường niên để thông qua cuộc thi các em sinh viên không chỉ thể hiện được trình độ chuyên môn, cái tôi cá nhân mà còn rèn luyện được các kỹ năng chuyên ngành.

Từ các kết quả nghiên cứu trên, ta thấy rằng trường đang vận hành chương trình đào tạo hiệu quả khi sinh viên cảm thấy hài lòng với giảng viên, phương pháp giảng dạy, chương trình đào tạo và một số yếu tố khác. Tuy nhiên yếu tố môi trường học tập đang chưa được đánh giá cao nên cần được cân nhắc và xem xét.

4. Kết luận

Trên cơ sở giữ vững thương hiệu cho các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực du lịch, việc nghiên cứu thực trạng các yếu tố tác động đến sự hứng thú trong học tập của sinh viên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành là vấn đề hết sức cần thiết tại thời điểm hiện nay. Kết quả nghiên cứu phát hiện các yếu tố thuộc môi trường học tập cần xem xét quan tâm hơn cả. Sau khi đã phân tích kết quả, nhóm nghiên cứu đưa ra một số đề xuất về giải pháp tạo ra sự hứng thú trong học tập của sinh viên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trên cơ sở dựa vào những vấn đề còn tồn tại, hạn chế.

Khoa và nhà trường cần phải thường xuyên nâng cao và hoàn thiện chất lượng môi trường học tập được như: đầu tư, xây dựng phòng thực hành buồng, bàn, bar cho ngành quản trị

dịch vụ du lịch và lễ hành để sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành. Tạo mọi điều kiện tốt nhất cho sinh viên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành có những chuyến đi thực tế và thực tập vì đây là một ngành học đặc thù kiến thức thôi là không đủ, sinh viên còn phải được thực hành, trải nghiệm thực tế đến những địa điểm du lịch nổi tiếng để có thêm kiến thức, kinh nghiệm tiếp tục hoàn thành việc học tập cũng như lợi ích sau này. Bên cạnh đó, hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo cần được cập nhật thường xuyên, liên tục. Những nội dung chưa có nhiều tài liệu tham khảo cần được quan tâm triển khai xây dựng viết và xuất bản sách giáo trình, tài liệu chuyên khảo, tham khảo để phục vụ cho nhu cầu của sinh viên và đáp ứng yêu cầu của xã hội. Mặt khác, khoa và nhà trường nên thường xuyên tổ

chức các cuộc thi liên quan đến Du lịch-Khách sạn; các buổi tọa đàm với lãnh đạo các cơ sở khách sạn và du lịch để từ đó các em sinh viên ngành khách sạn du lịch thấy được rõ nét hơn các công việc trong ngành nghề mình đã chọn.

Phạm vi nghiên cứu của bài báo còn hẹp vì chỉ tập trung vào nhóm đối tượng sinh viên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lễ hành trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên. Các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng phạm vi nghiên cứu toàn trường hoặc toàn Đại học.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này là sản phẩm của đề tài NCKH cấp Cơ sở năm 2023, mã số CS2023-MA-03, trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Colman, A. (2015). *Theory of reasoned action*. a dictionary of psychology, 4.
- [2]. Le, D. T. (2019). Hứng thú học tập các môn chung của sinh viên Trường Cao đẳng Nghề Đà Nẵng- thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, (38), 110-115.
- [3]. Nhạc Thanh Hương và Lê Nguyễn Bình Minh (2018). Các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học ngoại ngữ của SV Trường ĐH Luật Hà Nội. Truy cập tại: <https://ngoingu.hlu.edu.vn/SubNews/Details/16867>.
- [4]. Pratama, A. (2017). Factors affecting students' learning interest in an accounting study programme: a study in Bandung city, West Java, Indonesia. *Review of Integrative Business and Economics Research*, 6(2), 295.
- [5]. Taylor, H. A., Rapp, D. N., & Brunye, T. A. D. T. (2007). Repetition and Dual Coding in Procedural Multimedia Presentations. *Applied Cognitive Psychology*, 22(September 2007), 877-895. <https://doi.org/10.1002/acp>
- [6]. Thái, P. T. H. (2016). Những yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập môn tâm lý học đại cương của sinh viên ngành ngôn ngữ văn hóa nước ngoài trường Đại học Văn Hiến. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến*, (11), 9-13.
- [7]. Tuấn, N. V., Linh, T. T. T., & My, N. T. T. (2022). Các nhân tố ảnh hưởng đến hứng thú trong giờ học giáo dục thể chất của sinh viên Đại học Huế. *Journal of educational equipment: Applied research, Special issue*

Thông tin tác giả:

1. Bùi Thị Thanh Hương

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ email: thanhuong.tueba@gmail.com

2. Nguyễn Văn Hùng

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh

3. Cao Thị Phương Thảo

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh

4. Ứng Trọng Khánh

- Đơn vị công tác: Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và an ninh – ĐH Thái Nguyên

Ngày nhận bài: 23/11/2023

Ngày nhận bản sửa: 22/12/2023

Ngày duyệt đăng: 25/12/2023